BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)
Định hướng Nghiên cứu
Ngành: Răng – Hàm – Mặt
Mã số: 8720501

1. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 05 TÍN CHỈ (TC).

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
1.	Triết học	3	3	0	BM KHXH-NV
2.	Ngoại ngữ	2	2	0	BM ngoại ngữ

2. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 08 TÍN CHỈ.

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
1.	Sinh học phân tử	2	2	0	TT Y sinh học phân tử
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0	BM Y đức
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	TT Giáo dục y học
4.	Thống kê y học	2	1	1	BM Thống kê Y học

3. PHẦN KIẾN THỨC NGÀNH: 23 TÍN CHỈ.

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
Phần bắt buộc: 08 TC					
1.	Nghiên cứu khoa học răng hàm mặt 1	3	3	0	
2.	Sinh học miệng – hàm mặt	5	3	2	
Phần tự chọn: 15 TC *(chọn 05 học phần: NCKH, CĐHA, NKCS và 02 hp môn chính)*					
1.	Nghiên cứu khoa học răng hàm mặt 2	2	0	2	
2.	Chẩn đoán hình ảnh răng hàm mặt	2	1	1	
3.	Nha khoa cơ sở	3	2	1	
4.	Răng hàm mặt cơ sở	8	3	5	
5.	Khoa học hình ảnh răng hàm mặt 1	3	3	0	
6.	Khoa học hình ảnh răng hàm mặt 2	5	0	5	
7.	Bệnh học miệng và hàm mặt 1	3	3	0	
8.	Bệnh học miệng và hàm mặt 2	5	0	5	
9.	Phẫu thuật miệng 1	3	3	0	
10.	Phẫu thuật miệng 2	5	0	5	
11.	Phẫu thuật hàm mặt 1	3	3	0	
12.	Phẫu thuật hàm mặt 2	5	0	5	
13.	Nha khoa công cộng 1	3	3	0	
14.	Nha khoa công cộng 2	5	0	5	
15.	Chỉnh hình răng mặt 1	3	3	0	
16.	Chỉnh hình răng mặt 2	5	0	5	
17.	Nha khoa trẻ em 1	3	3	0	
18.	Nha khoa trẻ em 2	5	0	5	
19.	Phục hình răng hàm mặt 1	3	3	0	

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
20.	Phục hình răng hàm mặt 2	5	0	5	
21.	Nha chu 1	3	3	0	
22.	Nha chu 2	5	0	5	
23.	Chữa răng – Nội nha 1	3	3	0	
24.	Chữa răng – Nội nha 2	5	0	5	
25.	Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cấy ghép 1	3	3	0	
26.	Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cấy ghép 2	5	0	5	
27.	Nha khoa tổng quát nâng cao 1	3	3	0	
28.	Nha khoa tổng quát nâng cao 2	5	0	5	

4. PHẦN CHUYÊN ĐỀ NGHIÊN CỨU: 12 TÍN CHỈ.

(chọn 01 chuyên đề môn chính và 03 chuyên đề khoa học cơ sở)

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
1.	Chuyên đề Răng hàm mặt cơ sở	3	3	0	
2.	Chuyên đề Khoa học hình ảnh răng hàm mặt	3	3	0	
3.	Chuyên đề Bệnh học miệng và hàm mặt	3	3	0	
4.	Chuyên đề Phẫu thuật miệng	3	3	0	
5.	Chuyên đề Phẫu thuật hàm mặt	3	3	0	
6.	Chuyên đề Nha khoa công cộng	3	3	0	
7.	Chuyên đề Chỉnh hình răng mặt	3	3	0	
8.	Chuyên đề Nha khoa trẻ em	3	3	0	
9.	Chuyên đề Phục hình răng hàm mặt	3	3	0	
10.	Chuyên đề Nha chu	3	3	0	
11.	Chuyên đề Chữa răng –Nội nha	3	3	0	
12.	Chuyên đề Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cấy ghép	3	3	0	
13.	Chuyên đề Nha khoa tổng quát	3	3	0	
14.	Chuyên đề Khoa học cơ sơ Chẩn đoán hình ảnh răng hàm mặt	3	3	0	
15.	Chuyên đề Khoa học cơ sở Bệnh học miệng	3	3	0	
16.	Chuyên đề Khoa học cơ sở Phẫu thuật miệng	3	3	0	
17.	Chuyên đề Khoa học cơ sở Phẫu thuật hàm mặt	3	3	0	
18.	Chuyên đề Khoa học cơ sở Chỉnh hình răng mặt	3	3	0	
19.	Chuyên đề Khoa học cơ sơ Nha khoa công cộng	3	3	0	
20.	Chuyên đề Khoa học cơ sở Nha khoa trẻ em	3	3	0	
21.	Chuyên đề Khoa học cơ sở Phục hình răng hàm mặt	3	3	0	
22.	Chuyên đề Khoa học cơ sở Nha chu	3	3	0	

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
23.	Chuyên đề Khoa học cơ sở Chữa răng - Nội nha	3	3	0	
24.	Chuyên đề Khoa học cơ sở Cấy ghép nha khoa	3	3	0	
25.	Chuyên đề Khoa học cơ sở Cắn khớp	3	3	0	
26.	Chuyên đề Khoa học cơ sở Nha khoa tổng quát	3	3	0	

5. LUẬN VĂN: 12 TÍN CHỈ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 8 năm 2023

KT. HIỆU TRƯỞNG

PHÓ HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Nguyễn Hoàng Bắc

BỘ Y TẾ
ĐẠI HỌC Y DƯỢC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (60 TÍN CHỈ)
Định hướng Ứng dụng
Ngành: Răng – Hàm – Mặt
Mã số: 8720501

1. PHẦN KIẾN THỨC CHUNG: 05 TÍN CHỈ (TC).

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
1.	Triết học	3	3	0	BM KHXH-NV
2.	Ngoại ngữ	2	2	0	BM ngoại ngữ

2. PHẦN KIẾN THỨC CƠ SỞ: 08 TÍN CHỈ.

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
1.	Sinh học phân tử	2	2	0	TT Y sinh học phân tử
2.	Y đức – Xã hội học	2	2	0	BM Y đức
3.	Phương pháp nghiên cứu khoa học	2	1	1	TT Giáo dục y học
4.	Thống kê y học	2	1	1	BM Thống kê Y học

3. PHẦN KIẾN THỨC NGÀNH: 35 TÍN CHỈ.

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
Phần bắt buộc: 10 TC					
1.	Nghiên cứu khoa học RHM 1	3	3	0	Khoa RHM
2.	Nghiên cứu khoa học RHM 2	2	0	2	Khoa RHM
3.	Sinh học miệng – hàm mặt	5	3	2	Khoa RHM
Phần tự chọn: 25 TC *Học viên chọn 01 trong 03 chương trình học*					
I. Chỉnh hình Răng Mặt					
1.	Chỉnh hình răng mặt 1	14	7	7	BM Chỉnh hình răng mặt
2.	Chỉnh hình răng mặt 2	6	3	3	BM Chỉnh hình răng mặt
3.	Chỉnh hình răng mặt 3	5	0	5	BM Chỉnh hình răng mặt
II. Phẫu thuật Hàm Mặt					
1.	Phẫu thuật hàm mặt 1	10	4	6	BM Phẫu thuật hàm mặt
2.	Phẫu thuật hàm mặt 2	12	5	7	BM Phẫu thuật hàm mặt
3.	Phẫu thuật hàm mặt cơ sở	3	1	2	BM Phẫu thuật hàm mặt
III. Răng Hàm Mặt tổng quát *Chọn 08 học phần: CĐHARHM, NKCS, NKTQ, 02 hp môn chính và 03 hp KHCS*					
1.	Chẩn đoán hình ảnh RHM	2	1	1	Bộ môn CĐHA RHM
2.	Nha khoa cơ sở	3	2	1	BM Nha khoa cơ sở
3.	Nha khoa tổng quát	3	1	2	BM Nha khoa tổng quát
4.	Răng hàm mặt cơ sở	8	3	5	BM Nha khoa cơ sở
5.	Khoa học hình ảnh RHM 1	3	3	0	BM CĐHA RHM
6.	Khoa học hình ảnh RHM 2	5	0	5	BM CĐHA RHM
7.	Bệnh học miệng và hàm mặt 1	3	3	0	BM Bệnh học miệng
8.	Bệnh học miệng và hàm mặt 2	5	0	5	BM Bệnh học miệng

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
9.	Phẫu thuật miệng 1	3	3	0	BM Phẫu thuật miệng
10.	Phẫu thuật miệng 2	5	0	5	BM Phẫu thuật miệng
11.	Nha khoa công cộng 1	3	3	0	BM Nha khoa công cộng
12.	Nha khoa công cộng 2	5	0	5	BM Nha khoa công cộng
13.	Nha khoa trẻ em 1	3	3	0	BM Nha khoa trẻ em
14.	Nha khoa trẻ em 2	5	0	5	BM Nha khoa trẻ em
15.	Phục hình răng hàm mặt 1	3	3	0	Bộ môn Phục hình RHM
16.	Phục hình răng hàm mặt 2	5	0	5	Bộ môn Phục hình RHM
17.	Nha chu 1	3	3	0	Bộ môn Nha chu
18.	Nha chu 2	5	0	5	Bộ môn Nha chu
19.	Chữa răng – Nội nha 1	3	3	0	BM Chữa răng – Nội nha
20.	Chữa răng – Nội nha 2	5	0	5	BM Chữa răng – Nội nha
21.	Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cấy ghép 1	3	3	0	BM Cấy ghép nha khoa
22.	Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cấy ghép 2	5	0	5	BM Cấy ghép nha khoa
23.	Nha khoa tổng quát nâng cao 1	3	3	0	BM Nha khoa tổng quát
24.	Nha khoa tổng quát nâng cao 2	5	0	5	BM Nha khoa tổng quát
25.	KHCS Chẩn đoán hình ảnh RHM	3	1	2	BM CĐHA RHM
26.	KHCS Bệnh học miệng	3	1	2	BM Bệnh học miệng
27.	KHCS Phẫu thuật miệng	3	1	2	BM Phẫu thuật miệng
28.	KHCS Nha khoa công cộng	3	1	2	BM Nha khoa công cộng
29.	KHCS Nha khoa trẻ em	3	1	2	BM Nha khoa trẻ em
30.	KHCS Phục hình răng hàm mặt	3	1	2	BM Phục hình RHM
31.	KHCS Nha chu	3	1	2	Bộ môn Nha chu
32.	KHCS Chữa răng – Nội nha	3	1	2	BM Chữa răng – Nội nha
33.	KHCS Cấy ghép nha khoa	3	1	2	BM Cấy ghép nha khoa
34.	KHCS Cắn khớp	3	1	2	BM Nha khoa cơ sở
35.	KHCS Nha khoa tổng quát	3	1	2	BM Nha khoa tổng quát
36.	KHCS Chỉnh hình răng mặt	3	1	2	BM Chỉnh hình răng mặt
37.	KHCS Phẫu thuật hàm mặt	3	1	2	BM Phẫu thuật hàm mặt

4. PHẦN THỰC TẬP: 06 TÍN CHỈ.

(chọn 03 kỹ năng của bộ môn chính)

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
1.	Kỹ năng Chỉnh hình răng mặt 1	2	0	2	
2.	Kỹ năng Chỉnh hình răng mặt 2	2	0	2	
3.	Kỹ năng Chỉnh hình răng mặt 3	2	0	2	
4.	Kỹ năng Phẫu thuật hàm mặt 1	2	0	2	
5.	Kỹ năng Phẫu thuật hàm mặt 2	2	0	2	
6.	Kỹ năng Phẫu thuật hàm mặt 3	2	0	2	
7.	Kỹ năng Cắn khớp 1	2	0	2	
8.	Kỹ năng Cắn khớp 2	2	0	2	
9.	Kỹ năng Cắn khớp 3	2	0	2	
10.	Kỹ năng Chẩn đoán hình ảnh RHM 1	2	0	2	
11.	Kỹ năng Chẩn đoán hình ảnh RHM 2	2	0	2	

TT	Tên học phần	Số TC	Phân bổ		Bộ môn (BM) giảng dạy
			Lý thuyết	Thực hành	
12.	Kỹ năng Chẩn đoán hình ảnh RHM 3	2	0	2	
13.	Kỹ năng Bệnh học miệng và hàm mặt 1	2	0	2	
14.	Kỹ năng Bệnh học miệng và hàm mặt 2	2	0	2	
15.	Kỹ năng Bệnh học miệng và hàm mặt 3	2	0	2	
16.	Kỹ năng Phẫu thuật miệng 1	2	0	2	
17.	Kỹ năng Phẫu thuật miệng 2	2	0	2	
18.	Kỹ năng Phẫu thuật miệng 3	2	0	2	
19.	Kỹ năng Nha khoa công cộng 1	2	0	2	
20.	Kỹ năng Nha khoa công cộng 2	2	0	2	
21.	Kỹ năng Nha khoa công cộng 3	2	0	2	
22.	Kỹ năng Nha khoa trẻ em 1	2	0	2	
23.	Kỹ năng Nha khoa trẻ em 2	2	0	2	
24.	Kỹ năng Nha khoa trẻ em 3	2	0	2	
25.	Kỹ năng Phục hình răng hàm mặt 1	2	0	2	
26.	Kỹ năng Phục hình răng hàm mặt 2	2	0	2	
27.	Kỹ năng Phục hình răng hàm mặt 3	2	0	2	
28.	Kỹ năng Nha chu 1	2	0	2	
29.	Kỹ năng Nha chu 2	2	0	2	
30.	Kỹ năng Nha chu 3	2	0	2	
31.	Kỹ năng Chữa răng – Nội nha 1	2	0	2	
32.	Kỹ năng Chữa răng – Nội nha 2	2	0	2	
33.	Kỹ năng Chữa răng – Nội nha 3	2	0	2	
34.	Kỹ năng Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cấy ghép 1	2	0	2	
35.	Kỹ năng Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cấy ghép 2	2	0	2	
36.	Kỹ năng Cấy ghép nha khoa và phục hình trên cấy ghép 3	2	0	2	
37.	Kỹ năng Nha khoa tổng quát ứng dụng 1	2	0	2	
38.	Kỹ năng Nha khoa tổng quát ứng dụng 2	2	0	2	
39.	Kỹ năng Nha khoa tổng quát ứng dụng 3	2	0	2	

5. ĐỀ ÁN: 06 TÍN CHỈ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 04 tháng 9 năm 2023

HIỆU TRƯỞNG

ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Ngô Quốc Đạt